

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 31/01/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lập

2. Ông Huỳnh Văn Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hiếu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Huỳnh Lệ Uyên- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện L, tỉnh VL.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Tấn A, sinh năm 1990. (có đơn xin vắng)

Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện L, tỉnh VL.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ngô Thanh Kim T, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện L, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2023, những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày: Ngày 11/11/2022 chị có cho vợ chồng Huỳnh Tấn A và Nguyễn Ngọc T vay số tiền 120.000.000đ, có làm biên nhận, có sự chứng kiến của Ngô Thanh Kim T, không thỏa thuận lãi suất, A và T hẹn trong vòng 10 ngày sẽ trả, biên nhận ghi người giao tiền là Ngô Thanh Kim T tuy nhiên thực tế tiền là của chị. Tuy nhiên đến thời hạn trả tiền nhưng vợ chồng A và T không trả theo như đã hứa. Chị đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng A, T trả nợ nhưng không có kết quả. Đến tháng 02/2023 thì phía gia đình anh A có trả cho chị được 70.000.000đ, còn lại 50.000.000đ thì không trả cho đến nay. Nay chị yêu cầu A, T trả cho chị số tiền 50.000.000đ.

Tại bản khai ý kiến đề ngày 12/12/2023, anh A, chị T cùng xác nhận còn nợ chị P số tiền 50.000.000đ đúng như nội dung đơn khởi kiện của chị P, tuy nhiên do làm ăn thất bại, kinh tế gia đình khó khăn nên anh chị yêu cầu chị P chấp nhận cho anh, chị trả dần số nợ trên, mỗi tháng trả 2.000.000đ.

Ngoài ra anh A, chị Thanh cùng có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị Ngô T Kim T trình bày: chị và chị P cùng làm việc tại Trạm y tế xã, chị và vợ chồng A, T có quan hệ bà con với nhau. Vợ chồng A, T có nhờ chị hỏi nợ dùm và chị giới thiệu cho chị P. Nội dung biên nhận ngày 11/11/2022 chị có ký tên giao tiền nhưng thực chất đó là tiền của chị P. Chị P kiện đòi số tiền 50.000.000đ đối với vợ chồng A, T chị không có ý kiến gì và xác định số tiền trên là tiền vợ chồng A, T nợ chị P.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị P; Buộc anh Huỳnh Tấn A và chị Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả lại cho chị Lê Thị P số tiền vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Anh A, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Huỳnh Tấn A và Nguyễn Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án và anh A, chị T cũng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, ngoài ra anh chị cũng đã có bản khai ý kiến thống nhất với số nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, đã có đủ điều kiện giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bị đơn Huỳnh Tấn A và Nguyễn Ngọc T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung: Thông qua giới thiệu của bạn đồng nghiệp là Ngô T Kim T, chị Lê Thị P có cho vợ chồng anh Huỳnh Tấn A và Nguyễn Ngọc T vay số tiền 120.000.000đ, không có thỏa thuận lãi suất, có lập biên nhận đề ngày 11/11/2022, giao hẹn sau 10 anh A, chị T sẽ trả đủ số tiền trên cho chị P. Trên biên nhận không ghi nhận người cho vay là chị P tuy nhiên bị đơn Huỳnh Tấn A, Nguyễn Ngọc T, người liên quan Ngô T Kim T đều thừa nhận người cho vay tiền là chị Lê Thị P. Do đó, anh A và chị T có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền đã vay. Sau khi hết thời gian giao hẹn, anh A, chị T không trả được tiền cho chị P, chị P nhiều lần gặp vợ chồng A, T để yêu cầu trả nợ vay, nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2023 sau nhiều lần yêu cầu thì vợ chồng A, T có trả cho chị được 70.000.000đ, còn lại 50.000.000đ thì không trả. Chị P khởi kiện yêu cầu anh A, chị T có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay chưa trả là 50.000.000đ ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Xét thấy, giữa chị Lê Thị P với vợ chồng anh Huỳnh Tấn A, Nguyễn Ngọc T có mối quan hệ vay mượn tiền với nhau, có việc giao nhận tiền và làm biên nhận, có xác định thời hạn trả tiền, tuy nhiên không thỏa thuận tiền lãi vay. Anh A, chị T thừa nhận chị P kiện đòi anh chị số tiền 50.000.000đ là xuất phát từ số tiền vay 120.000.000đ như đã nói ở trên. Nhưng hiện nay anh, chị đang gặp khó khăn về kinh tế không có khả năng trả ngay cho chị P số tiền trên được, yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 2.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm chị P không đồng ý cho anh A, chị T trả dần mà yêu cầu trả một lần số tiền 50.000.000đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Tấn A và chị Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự 2015,

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị P.

[1] Buộc anh Huỳnh Tấn A và chị Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị P số tiền là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không thi hành xong các khoản phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất trên số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Tấn A và chị Nguyễn Ngọc T phải nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Chị Lê Thị P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Lê Thị P 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0008395 ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thanh Tòng

